

Số: 2268/TB-NĐSD

Về việc thông báo mời chào giá

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH RÚT GỌN TRONG NƯỚC

Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV đang có kế hoạch tổ chức mời chào hàng cạnh tranh rút gọn gói cung cấp: Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khói 2B.

Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia chào giá Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khói 2B với các thông tin sau:

Tên Bên mời cung cấp: Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV.

Địa chỉ: Thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0240 3 588 026.

Fax: 0240 3 588 211.

Mã số thuế: 0104297034-003

Nội dung mời chào giá:

1. Tên gói cung cấp: Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khói 2B.
2. Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh rút gọn.
3. Thời gian phát hành Yêu cầu báo giá giá: từ 9 giờ 00, phút, ngày 22 tháng 7 năm 2026 đến trước 14 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 7 năm 2026.
4. Địa điểm phát hành YCBG: Tại phòng Kế hoạch – Đầu tư – Vật tư, Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV.

Địa chỉ: Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV, Thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh.

Hình thức phát hành: Phát hành miễn phí, trong giờ hành chính.

5. Địa chỉ tiếp nhận Hồ sơ chào giá: Văn thư – Phòng TCHC, Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV, Thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh. Hồ sơ chào giá được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong hình thức gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện về địa chỉ trên.

(Ghi chú: Người đến nộp hồ sơ chào giá phải mang theo giấy giới thiệu và bản phô tô CCCD có gắn chip; nếu gửi qua đường bưu điện ngoài bì thư phải ghi rõ số thông báo mời chào giá của bên mời chào giá). Trong hồ sơ chào giá phải kèm theo thông báo mời chào giá của bên mời chào giá đăng tải trên Website TKV, ĐLTKV và phải được ký, đóng dấu xác nhận của nhà cung cấp.

6. Thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá: 14 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 7 năm 2026.

7. Thời điểm mở Hồ sơ chào giá: Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai trong vòng 01 (một) giờ kể từ thời điểm dừng tiếp nhận Hồ sơ chào giá tại Văn phòng Công ty nhiệt Sơn Động – TKV.

Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV kính mời các nhà cung cấp có năng lực tham gia nộp Hồ sơ chào giá và dự lễ mở Hồ sơ chào giá vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng và mong nhận được sự hợp tác của quý các nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Đăng tải Website TKV, ĐLTKV;
- Lưu TCHC, KHĐTVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hồng Chuyên

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN SƠN ĐỘNG – TKV

YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Tên gói cung cấp: Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt
khói 2B**

Bên mời cung cấp: Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV

Bắc Ninh, năm 2026

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói cung cấp: Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khói 2B

Phát hành ngày: 22/7/2026

Ban hành kèm theo Quyết định số: 2262/QĐ-NĐSD ngày 21/7/2026

Tổ chuyên gia lập hồ sơ yêu cầu

TỔ TRƯỞNG



Vũ Hồng Chuyên

Bên mời nhà cung cấp

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN SƠN ĐỘNG - TKV

GIÁM ĐỐC



Dương Hồng Đường

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời cung cấp	Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV
Gói cung cấp	Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khói 2B
Quyết định 353/QĐ-ĐLTKV	Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ phục vụ và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên liên tục trong Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP



Chương I. YÊU CẦU NỘI BỘ BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời cung cấp là: Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV
2. Bên mời cung cấp mời nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nội bộ báo giá) Gói cung cấp: Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khói 2B. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói cung cấp nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nội bộ báo giá gói cung cấp này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp khác; không thuộc trường hợp khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
4. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) bao gồm cả lắp đặt để thực hiện gói cung cấp trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể

nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Các giấy tờ liên quan để chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu tại Mục 2 chương này và mục 2, chương II;
4. Đề xuất kỹ thuật căn cứ quy định tại Chương II.

Mục 5. Quy cách của báo giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và 01 bản chụp Báo giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ BÁO GIÁ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ BÁO GIÁ”.

2. Túi đựng Báo giá của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói cung cấp, tên nhà cung cấp, tên Bên mời nhà cung cấp. Bên mời nhà cung cấp có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Báo giá của nhà cung cấp.

3. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Báo giá của nhà cung cấp bị loại.

4. Tất cả các thành phần của Báo giá nêu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp, trường hợp ủy quyền thì kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là **30 ngày**, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà cung cấp nộp Hồ sơ báo giá trực tiếp cho bộ phận Văn thư của Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV tiếp nhận (Thông qua Biên bản giao nhận,

Giấy giới thiệu, CCCD của người đến nộp) hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV Thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh. SĐT: 0240 3 588 026 Fax: 0240 3 588 211, không muộn hơn 14 giờ 00 phút, ngày 29/7/2026. Các báo giá được gửi đến bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà cung cấp. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời cung cấp lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà cung cấp đã nộp báo giá.

3. Bên mời cung cấp so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời cung cấp có thể mời nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu và có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ;
2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng tất cả các yêu cầu theo quy định tại Chương II;
3. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói cung cấp được duyệt.

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện hoặc Email và được đăng tải trên website của TKV, ĐLTKV theo quy định:

(+) <https://vinacomin.vn/vi/bidding>

(+) <https://www.dienluctkv.vn/thong-tin-dau-thau>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không trúng cung cấp gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Nhà cung cấp được gửi văn bản kiến nghị đến bên mời nhà cung cấp từ khi xảy ra sự việc đến trước khi thời gian ký kết hợp đồng ghi trong thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

✓

Bên mời nhà cung cấp có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà cung cấp trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản kiến nghị của nhà cung cấp.

Trong trường hợp bên mời nhà cung cấp không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà cung cấp không đồng ý với kết quả kiến nghị thì nhà cung cấp có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền (Cơ quan Tổng công ty điện lực - TKV) trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời nhà cung cấp.

Chương II. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói cung cấp

- 2B.
- Tên gói cung cấp: Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khói
 - Bên mời cung cấp: Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV.
 - Địa điểm thực hiện: Tại của Công ty Nhiệt điện Sơn Động-TKV có địa chỉ tại thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh.
 - Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh.
 - Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh rút gọn.
 - Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
 - Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày.

2. Yêu cầu về năng lực nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các tài liệu sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp kèm theo ngành nghề kinh doanh phù hợp với phạm vi cung cấp quy định tại khoản 3.1, mục 3 chương này.
- Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của mình thông qua hợp đồng tương tự đã thực hiện. Hợp đồng tương tự là hợp đồng có danh mục hàng hóa và dịch vụ sửa chữa phù hợp với chủng loại, tính chất với hàng hóa và dịch vụ của gói cung cấp đang xét.
- Nhà cung cấp cung cấp đề xuất nhân sự chủ chốt tham gia gói cung cấp, số lượng, trình độ chuyên môn của nhân sự Nhà cung cấp đề xuất sao cho đảm bảo hoàn thành tiến độ và khối lượng và chất lượng công việc theo yêu cầu.

3. Các yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Phạm vi cung cấp hàng hóa và dịch vụ

STT	Nội dung công việc	Ký mã hiệu/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
A	Sửa chữa phục hồi Module nghịch lưu	B- <i>INU3, PBA</i> <i>F10 A01 6K200</i>	Bộ	01	
I	Chi tiết, linh kiện thay thế				
1	Thay thế IGBT	5SNG 015045P0301	Cái	04	
2	Thay thế các IC	:74HC245FM, 74HC373FMC,7 4HC 51FGB,4093KA4 0811KM, 4001LHF, LM2565JW, 33063WA,393AJ ,81AM,82AMJ,	Cái	26	

2

STT	Nội dung công việc	Ký mã hiệu/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		84AMJ,8055DG P11			
3	Thay thế Diode Zener	Zener	Cái	60	
4	Thay Diode cao áp	Diode cao áp	Cái	48	
5	Thay Transister		Cái	88	
6	Thay thế Tụ Cực tính		Cái	46	
7	Thay thế Tụ không cực tính		Cái	42	
8	Thay thế Opto		Cái	16	
9	Thay thế Điện trở	500Ω-200K, 1%	Cái	1258	
10	Vi xử lý	TMS980320F280 69PNI	Cái	01	
II	Dịch vụ bảo dưỡng, thí nghiệm				
1	Thí nghiệm	IGBT 5SNG 015045P0301,	Cái	08	
2	Thí nghiệm Biến dòng	Biến dòng LT308-S6 350A/150mA	Cái	01	
3	Bảo dưỡng thí nghiệm	Card điều khiển , giám sát cách ly Opto của IGBT Type: GD C806C	Card	06	
3.1	Thí nghiệm IC	:74HC245FM, 74HC373FMC,7 4HC 51FGB,4093KA4 0811KM, 4001LHF, LM2565JW, 33063WA,393AJ ,81AM,82AMJ, 84AMJ,8055DG P11	Cái	12	
3.2	Thí nghiệm Zener	Zener	Cái	18	
3.3	Thí Nghiệm Diode cao áp	Diode cao áp	Cái	06	
3.4	Thí nghiệm Transister	Transister	Cái	18	
3.5	Thí nghiệm Tụ Cực tính	Tụ Cực tính	Cái	24	

STT	Nội dung công việc	Ký mã hiệu/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
3.6	Thí nghiệm Tụ không cực tính	Tụ không cực tính	Cái	18	
3.7	Thí nghiệm Opto	Cách ly quang	Cái	06	
3.8	Thí nghiệm Điện	500Ω-200K,1%	Cái	510	
4	Sửa chữa, bảo dưỡng thí nghiệm	Board mạch điều khiển, Truyền thông, Driver, FB của Module.Type:GD C960 C102	Card	01	
4.1	Bảo dưỡng, thí nghiệm IC	IC :74HC245FM, 74HC373FMC,7 4HC 51FGB,4093KA4 0811KM, 4001LHF, LM2565JW, 33063WA, 393AJ,81AM, 82AMJ, 84AMJ, 8055DGP11	Cái	29	
4.2	Thí nghiệm	Zener	Cái	12	
4.3	Thí nghiệm	Diode cao áp	Cái	13	
4.5	Thí nghiệm	Tụ Cực tính	Cái	10	
4.6	Thí nghiệm	Tụ không cực tính	Cái	32	
4.7	Thí nghiệm Opto	Cách ly quang	Cái	6	
4.8	Thí nghiệm điện trở	500Ω-200K,1%	Cái	40	
4.9	Thí nghiệm	Transister SMD loại A, K	Cái	6	
4.10	Lập trình điều khiển chip vi xử lý	TMS980320F280 69PNI	Bộ	1	
5	Sửa chữa, thí nghiệm	Card Driver XZ C825A101	Card	8	
5.1	Thí nghiệm Zener	Cách ly quang	Cái	8	
5.2	Thí nghiệm Diode cao áp	Diode cao áp	Cái	24	
5.3	Thí nghiệm	Transister SMD loại A,K	Cái	24	

5.4	Thí nghiệm Tụ Cực tính	Tụ Cực tính	Cái	8	
5.5	Thí nghiệm Điện trở	500Ω-200K, 1%	Cái	144	
6	Bảo dưỡng, thí nghiệm	Card Driver XZ C826A101	Card	4	
6.1	Thí nghiệm Zener	Cách ly quang	Cái	32	
6.2	Thí nghiệm Diode	Diode cao áp	Cái	8	
6.3	Thí nghiệm	Transister SMD loại A, K	Cái	24	
6.4	Thí nghiệm	Tụ Cực tính	Cái	4	
6.5	Thí nghiệm Điện trở	500Ω-200K, 1%	Cái	46	
7	Bảo dưỡng, thí nghiệm	Card đo lường HA C807 B101	Card	4	
7.1	Bảo dưỡng, thí nghiệm IC	74HC245FM, 74HC373FMC, 74HC 51FGB, 4093KA40811K M, 4001LHF, LM2565JW, 33063WA, 393AJ, 81AM, 82AMJ, 84AMJ, 8055DGP11	Cái	16	
7.2	Thí nghiệm Zener	Cách ly quang	Cái	8	
7.3	Thí nghiệm	Diode cao áp	Cái	24	
7.4	Thí nghiệm Transister	SMD loại A,K	Cái	0	
7.5	Thí nghiệm	Tụ Cực tính	Cái	8	
7.6	Thí nghiệm Điện	500Ω-200K, 1%	Cái	160	
7.7	Thí nghiệm Tụ	Không cực tính	Cái	12	
8	Thí nghiệm Tụ CS	HDMKP 3.05 471, 470μF/3.300V	Cái	6	
8.1	Thí nghiệm dung lượng tụ		Bộ	6	
8.2	Thí nghiệm chịu áp cao áp	3050 VDC	Bộ	6	
8.3	Thí nghiệm kéo dòng	20A 3000VDC	Bộ	6	
9	Thí nghiệm các thiết bị khác: Nguồn 220/24VDC-25A	220/24VDC	Bộ	1	

STT	Nội dung công việc	Ký mã hiệu/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
	tranduser, cầu chì, rơ le	25A,			
III	Chạy thử không tải		Module	1	
IV	Chạy thử có tải		Module	1	
V	Chi phí vận chuyển, bàn giao, nghiệm thu		Module	1	

3.2. Phạm vi trách nhiệm:

* Bên mời cung cấp:

- Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình Nhà cung cấp có đề nghị được khảo sát, kiểm tra thực tế mặt bằng thiết bị trước khi tham gia chào giá.

- Cung cấp các tài liệu kỹ thuật, các bản vẽ, Phương án kỹ thuật và thông tin cần thiết trong khả năng.

- Bàn giao mặt bằng và thiết bị đúng thời hạn cho nhà cung cấp triển khai thi công.

- Phối hợp và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thi công, giám sát và nghiệm thu công trình.

* Nhà cung cấp:

- Cung cấp đầy đủ vật tư chính và các giấy tờ kèm theo.

- Chủ động đề xuất và tiến hành tìm hiểu, khảo sát, đo đạc để kiểm chứng hiện trạng thực tế mặt bằng, thiết bị từ đó đưa ra các Biện pháp kỹ thuật, biện pháp thi công.

- Nhận bàn giao mặt bằng, chịu trách nhiệm tổ chức thi công, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng nhân lực, trang thiết bị máy móc, dụng cụ thi công.

- Chịu trách nhiệm tính toán để cung cấp đầy đủ các vật tư phụ tiêu hao trong quá trình thi công (có thể tham khảo chủng loại, khối lượng trong Phương án kỹ thuật kèm theo) để hoàn thành công việc.

- Phối hợp và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thi công và nghiệm thu công trình.

- Phương án kỹ thuật kèm theo.

STT	Nội dung	Số Phương án	Link tài liệu
1	Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khói 2B	516/PA- KTAT	

3.3. Yêu cầu về cung cấp vật tư

Vật tư cung cấp phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có chủng loại, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật rõ ràng. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn

Handwritten signature and mark

chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó (nêu rõ hăng, nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất hàng hóa).

Vật tư cung cấp phải có đầy đủ các chứng nhận về chất lượng, nguồn gốc xuất xứ: Nhà cung cấp phải cam kết cấp chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (CO), chứng chỉ chất lượng hàng hóa (CQ) khi giao hàng (*Áp dụng với các mục hàng hoá có yêu cầu cấp CO, CQ*). Trong trường hợp CO, C/Q không phải là tiếng Việt hoặc tiếng Anh thì phải dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực theo đúng các quy định hiện hành

Đối với hàng hoá Nhập khẩu: Nhà cung cấp phải cam kết cấp đầy đủ các chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (CO), chứng chỉ chất lượng hàng hóa (CQ).

Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Nhà cung cấp phải cam kết cấp chứng chỉ chất lượng sản phẩm;

Hàng hóa phải là mới 100%, chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và sản xuất từ năm 2025 trở lại đây;

Hàng hoá trong E-HSDT phải đảm bảo tính đồng bộ, tương thích về công nghệ với các thiết bị đang sử dụng tại Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV. Để đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với thiết bị trong dây chuyền công nghệ tránh tình trạng sai khác phải chỉnh sửa hoặc thay mới gây ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa và sản xuất của Nhà máy. Nhà cung cấp cần phải khảo sát tìm hiểu kỹ các thông tin thực tế trước khi cung cấp. *Nếu nhà cung cấp không khảo sát hoặc khảo sát hiện trường, tìm hiểu không kỹ về thông số kỹ thuật, tính đồng bộ phù hợp với thiết bị trong dây chuyền công nghệ thì mọi sai sót, chi phí phát sinh trong quá trình cấp vật tư hàng hóa do nhà cung cấp chịu.*

Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, bản vẽ, catalog của nhà sản xuất kèm theo bản chào giá để chứng minh hàng hóa là đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

3.4. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật, Phương án thi công sửa chữa

Nhà cung cấp phải:

- Khảo sát hiện trường (nếu cần), Hệ thống thiết bị hiện hữu để có Phương án, giải pháp thi công phù hợp với mặt bằng của của nhà máy như: Hạ tầng cáp quang, phòng điều khiển trung tâm, vị trí lắp đặt, Phương án cung cấp điện năng, kho bãi tập kết vật tư thiết bị, chất thải...;

- Lập giải pháp kỹ thuật chi tiết cho các hạng mục thi công sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình và tiến độ sửa chữa;

- + Giải pháp kỹ thuật đảm bảo có tính khả thi theo điều kiện thực tế; An toàn phòng chống cháy nổ; An toàn cho người và thiết bị trong suốt quá trình thi công;

- + Nhà cung cấp bố trí mặt bằng, lập bảng tiến độ thể hiện trình tự thi công, tiến độ thi công, bố trí nhân lực, huy động các máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình tiến hành thi công sửa chữa;

- Có biện pháp đảm bảo chất lượng cung cấp vật tư và chất lượng sửa chữa;

3.5. Yêu cầu về dụng cụ, thiết bị phục vụ thi công:

- Nhà cung cấp phải có bảng liệt kê và khả năng huy động các dụng cụ, thiết bị, phương tiện thi công chính có chất lượng tốt, phù hợp với Phương án thi công.

- Nhà thầu phải nghiên cứu, khảo sát thực tế để chuẩn bị các bộ dụng cụ chuyên dùng như: thiết bị đo đạc, kiểm tra linh kiện điện tử, các thiết bị thí nghiệm chuyên dụng; bộ dụng cụ sửa chữa điện, điện tử... để đảm bảo đáp ứng được công việc.

- Các thiết bị, máy móc dụng cụ thi công phải còn hoạt động và đảm bảo an toàn theo quy định sử dụng. Có Phương án thay thế máy móc hỏng trong quá trình sửa chữa đảm bảo quá trình thi công liên tục không bị gián đoạn.

- Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động được đều phải có giấy phép sử dụng do cơ quan có thẩm quyền cấp và được kiểm tra, kiểm định theo quy định.

- Nhà cung cấp có thể lựa chọn dụng cụ, thiết bị thi công và số lượng phù hợp với Phương án đề xuất của Nhà cung cấp và chịu trách nhiệm về bảng kê khai

3.6. Yêu cầu về biện pháp an toàn thi công, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường:

1. Phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động (BHLĐ) phù hợp quy định tại từng khu vực tại nhà máy và yêu cầu công việc.

2. Phải mặc quần dài, mang giày bảo hộ, áo bảo hộ và mũ cứng là yêu cầu trang bị BHLĐ tối thiểu khi làm việc trên công trình hoặc khu vực xây dựng

3. Phải tuân thủ các hướng dẫn làm việc an toàn, biển báo an toàn

4. Phải cô lập/ che chắn khu vực làm việc cẩn thận khi có yêu cầu.

5. Phải có biện pháp tạm thời đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường tại nơi làm việc sau khi kết thúc ngày làm việc mà không thể hoàn thành công việc.

6. Phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu khu vực làm việc bất kỳ những thay đổi tạm thời trước đó.

7. Công nhân làm việc phải:

a. Được huấn luyện về an toàn theo quy định của pháp luật: An toàn VSLĐ

b. Có bằng cấp/chứng chỉ/chứng nhận chứng minh được năng lực thực hiện công việc (nếu có).

c. Sắp xếp nhân viên phụ trách giám sát ATVSLĐ theo quy định nhà nước trong suốt quá trình thi công.

8. Không được sử dụng các thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ khi chưa có sự kiểm tra và cho phép của Nhà máy.

9. Không được thực hiện công việc nếu không có sự giám sát của quản lý Bên nhận gói cung cấp.

10. Không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi trong công ty.

11. Trong quá trình thi công cần thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường để không làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường, ảnh hưởng đến các thiết bị

xung quanh và đặc biệt là ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, cần thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường:

12. Tất cả các vật tư, thiết bị cũ tháo dỡ đến đâu được thu hồi và trả kho Công ty kịp thời và đúng quy định.

13. Hàng ngày các vật tư cũ và vật liệu phế thải được vận chuyển và đổ đúng nơi quy định

3.7. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện hợp đồng: ≤ 20 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

3.8. Yêu cầu bảo hành

- Thời gian bảo hành: Toàn bộ hàng hóa là vật tư thiết bị được bảo hành tối thiểu 12 tháng và dịch vụ sửa chữa được bảo hành tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng (trong trường hợp phải sửa chữa khắc phục thì thời gian bảo hành được tính thêm bằng thời gian sửa chữa; trong trường hợp phải thay thế mới thì thời gian bảo hành được tính lại từ đầu).

- Thời gian khắc phục: Trong vòng 24 giờ sau khi nhận được thông báo của Bên mời cung cấp.

3.9. Yêu cầu về nghiệm thu chạy thử

- Trong suốt quá trình chạy thử nghiệm thu nhà cung cấp phải bố trí đủ nhân lực có chuyên ngành phù hợp, vật tư, máy móc thi công để kịp thời xử lý các khiếm khuyết xảy ra trong quá trình chạy thử. Tất cả các lỗi xảy ra do chủ quan của nhà cung cấp thì nhà cung cấp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Các thông số kỹ thuật chạy thử của thiết bị sau sửa chữa phải đạt so với thiết kế và đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Sau khi nghiệm thu chạy thử đạt yêu cầu nhà cung cấp có trách nhiệm phối hợp lập biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục sửa chữa theo yêu cầu của bên mời cung cấp.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói cung cấp: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời cung cấp]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói cung cấp].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm bảo đảm cạnh tranh trên thị trường về cung cấp hàng hóa, sản phẩm dịch vụ
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói cung cấp này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng cung cấp].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

(Áp dụng cho gói cung cấp thuần dịch vụ sửa chữa)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)*(4)
1	Nội dung 1				
2	Nội dung 2				
...		Bộ	2		
	Tổng cộng trước thuế				
	Thuế giá trị gia tăng				
	Tổng cộng sau thuế				

Ghi chú: Cột (1), (2), (3), (4) Nhà cung cấp chào theo phạm vi cung cấp tại khoản 3.1, mục 3, chương II của Yêu cầu báo giá, cột (5) là đơn giá chào của nhà cung cấp

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

(Handwritten signature)

Mẫu số 02

(Áp dụng cho gói cung cấp bao gồm cung cấp vật tư và sửa chữa)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá chào (VNĐ)
1	Hàng hoá	(M)	
2	Dịch vụ sửa chữa	(I)	
3	Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)	(M) + (I)	

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời cung cấp	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ/đv)	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
N	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm phí, lệ phí (nếu có), chưa bao gồm thuế VAT						M1+M2+...+Mn
Thuế VAT						
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế VAT (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)						(M)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời nhà cung cấp ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói cung cấp. Các cột (5), (6), (7) do nhà cung cấp chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp, trong đó bao gồm các chi phí về phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm thuế VAT, các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 05b. Khi tham dự gói cung cấp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ SỬA CHỮA

1	2	3	4	5	6
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời cung cấp	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ/đv)	Thành tiền (VNĐ)
1					
2					
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao phí, lệ phí (nếu có), chưa bao gồm thuế VAT					
Thuế VAT					
Tổng giá chào cho các dịch vụ sửa chữa đã bao gồm thuế VAT <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>					(I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3) và (4) Bên mời nhà cung cấp ghi phù hợp với Bảng dịch vụ liên quan quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói cung cấp.

Các cột (5) (6), (7), (8), (9), (10) do nhà cung cấp chào.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

Hợp đồng số: /2026/HĐSXKD/NĐSD-

Gói cung cấp: Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khối 2B;

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/6/2015 của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/6/2005 của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số: 2205/QĐ-NĐSD ngày 15/7/2026 của Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp: Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khối 2B;

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng ngày / /2026 về gói cung cấp: Sửa chữa Module nghịch lưu pha B biến tần quạt khối 2B;

Hôm nay ngày tháng năm 2026, chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

1. Bên mời cung cấp: Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV.

(Sau đây gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ: Thôn Thanh Sơn – xã Tây Yên Tử – tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: 0204 3588 026

Fax: 0204 3588 211

Mã số thuế: 0104297034 – 003

Số tài khoản: 2509211000002

Tại: Ngân hàng Agribank Việt Nam – CN Sơn Động – Bắc Giang II – PGD Tây Yên Tử.

Đại diện là ông: Dương Hồng Đường

Chức vụ: Giám đốc

2. Nhà cung cấp :

(Sau đây gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Mã số thuế: _____

Số tài khoản: _____

Đại diện:

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi hợp đồng

1. Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Khi có phát sinh công việc nằm ngoài phạm vi công việc trong hợp đồng này thì hai bên sẽ xem xét thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung. Phụ lục bổ sung (nếu có) là một phần không thể thiếu của hợp đồng này.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.
4. Hồ sơ báo giá
5. Yêu cầu báo giá
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Cung cấp đầy đủ tài liệu, cử cán bộ kỹ thuật giám sát thi công và nghiệm thu công trình.

- Phối hợp tạo điều kiện và giải quyết các vướng mắc cho Bên B trong quá trình thực hiện.

- Thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Thực hiện đầy đủ các nội dung công việc theo điều 1 và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Đảm bảo an toàn trong thời gian thi công, chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra hư hỏng thiết bị do bên B vi phạm. Chịu trách nhiệm xử lý giải quyết các trường hợp xảy ra mất an toàn trong phạm vi thi công do bên B gây ra.

- Bên B phải chuẩn bị vật tư đúng quy cách, chủng loại và bố trí nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện công việc. Thiết bị sau khi sửa chữa phải đảm bảo được các chỉ tiêu kỹ thuật chính và vận hành ổn định an toàn.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ bằng đồng Việt Nam].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Số lần thanh toán: 02 lần.

- Lần 1: Bên A thanh đến toán 95% giá trị quyết toán hợp đồng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bên B hoàn thiện bộ chứng từ thanh toán và trình bên A. Bộ hồ sơ thanh toán gồm:

- + Văn bản hợp đồng đã ký kết
- + Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng;
- + Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành;
- + Biên bản thu hồi vật tư cũ;
- + Quyết toán giá trị hoàn thành;
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ;
- + Đề nghị thanh toán;
- + Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Lần 2: Bên A sẽ thanh toán 5% giá trị còn lại sau khi hết thời gian bảo hành quy định tại điều 10 của hợp đồng này hoặc bên B phát hành thư bảo lãnh bảo hành do ngân hàng hợp pháp, có uy tín tại Việt Nam phát hành với giá trị tương đương 5% giá trị khối lượng hoàn thành sau mỗi đợt sửa chữa;

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng:

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Bổ sung khối lượng, nội dung công việc ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;
- b) Thay đổi địa điểm thực hiện;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- e) Các trường hợp khác được hai bên thỏa thuận, thống nhất;

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Bảo hành

Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa và dịch vụ sửa chữa như sau: Thời gian bảo hành hàng hóa, dịch vụ là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng. Giá trị bảo hành tương ứng với 5% giá trị quyết toán hợp đồng.

Điều 12. Phạt khi vi phạm Hợp đồng:

- Nếu bên B bàn giao chậm tiến độ như quy định tại Điều 7 của hợp đồng, bên B sẽ chịu phạt với mức phạt là 1% giá trị phần hợp đồng vi phạm tính cho mỗi đợt bàn giao thiết bị chậm 01 ngày. Tuy nhiên tổng số tiền phạt tối đa không vượt quá 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm.

- Bên B phải thực hiện công việc đảm bảo đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong Hợp đồng này. Nếu bên B không đảm bảo được chất lượng công việc theo các cam kết nêu trong Hợp đồng này thì phải bồi thường một khoản tương đương với giá trị của phần hợp đồng bị thiệt hại đó. Ngoài mức bồi thường thiệt hại trên bên B còn bị phạt vi phạm 8% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.

- Trong trường hợp Bên B vi phạm Hợp đồng và bị phạt theo quy định trên, Bên A sẽ khấu trừ tiền phạt Hợp đồng vào giá trị còn lại của Hợp đồng chưa thanh toán hoặc yêu cầu Bên B thanh toán cho Bên A phần giá trị phạt Hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản.

- Nếu bên A chậm thanh toán như quy định tại Điều 5 của hợp đồng, bên A sẽ chịu lãi suất phần thanh toán chậm theo lãi suất trả chậm do ngân hàng nhà nước quy định.

Điều 13. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra bao gồm nhưng không giới hạn bởi động đất, mưa bão, gió lốc, cháy nổ, sự cố thiết bị trong khu vực thi công, giải quyết những quyết định thay đổi Phương án kỹ thuật bên A và sự thay đổi các chính sách của Nhà nước Việt Nam.

Trong trường hợp bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án Bắc Giang theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực ngay sau khi được hai bên ký kết. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi các bên hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

2. Hợp đồng sẽ tự thanh lý sau khi các bên hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

3. Hợp đồng được lập thành 04 bộ, chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà cung cấp giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B